

**BẢNG DỰ TOÁN THU, CHI CÁC KHOẢN
THU DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026**

-Căn cứ Công văn 2566/SGDDT - TC&ĐTGD ngày 05 tháng 09 năm 2025 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Năm học 2025-2026, trường Mầm non Thị Trần có 260 học sinh /9 nhóm lớp. Trong đó

- + Lớp Mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 3 lớp
- + Lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi và lớp MG 4-5 tuổi : 4 lớp
- + Lớp nhà trẻ : 2 lớp

A. KINH PHÍ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

1. Tiền ăn bán trú của học sinh:

TT	Nội dung dự kiến thu	Nội dung dự kiến chi	Số tiền	Ghi chú
	Tiền ăn của trẻ Mẫu giáo và Nhà trẻ : 20.000 đồng/ trẻ/ ngày	Tiền thực phẩm	19.000	
		Tiền chất đốt	1.000	Theo thực tế

2. Tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú:

TT	Nội dung, diễn giải	Số tiền
	TỔNG CỘNG CÁC NỘI DUNG	279.021.600
I	Chi trả tiền thuê khoán người nấu ăn: 5 cô x 5.000.000 đồng/ tháng x 9 tháng	225.000.000
II	Chi phí vật tư	54.021.600
1	Chi mua các loại vật dụng sử dụng vệ sinh cho học sinh (okay, nước lau sàn,giấy vệ sinh, xà phòng ..)	32.400.000
2	Chi mua nước uống tăng thêm do tổ chức bán trú	21.621.600

+ Chi phí tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú là 279.021.600đồng. Như vậy, dự kiến thu tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú tính cho mỗi học sinh/ tháng là 279.021.600 đồng/ 255 học sinh/9 tháng = **122.000 đồng/ học sinh/ tháng** (làm tròn số, giảm 5 học sinh dự kiến thất thu)

3. Chi mua sắm vật dụng dùng chung cho học sinh bán trú

3.1	Bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú nhà bếp:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
TT	Tên đồ dùng				
		Cái	4	350.000	1.400.000
1	Dao thái rau	Cái	300	8.000	2.400.000
2	Tem lưu mẫu thực phẩm	Cái	10	10.000	100.000
3	Nạo trắng	Đôi	5	10.000	50.000
4	Đũa xào	Cái	6	160.000	960.000
5	Lưỡi dao máy xay thịt	Cái	10	20.000	200.000
6	Khăn lau khay	Thùng	2	1.100.000	2.200.000
7	Bao tay tiện lợi	Cái	4	120.000	480.000
8	Chổi lau nhà				

9	Chổi cước thái	Cái	2	35.000	70.000
10	Chổi đốt (2 cái/năm)	Cái	4	50.000	200.000
11	Bao tay giun	Cái	40	30.000	1.200.000
Cộng					9.260.000

3.2. Bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú tại nhóm lớp:

TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chổi lau nhà	Cái	18	120.000	2.160.000
2	Chổi cước thái	Cái	9	35.000	315.000
3	Chổi đốt (2 cái/năm)	Cái	18	50.000	900.000
5	Khăn lau tay	Cái	18	20.000	360.000
TỔNG CỘNG					3.735.000

+ Tổng số chi mua sắm vật dụng dùng chung cho học sinh bán trú là 12.995.000 đồng. Như vậy, dự kiến thu mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú tính cho mỗi học sinh/tháng là = 12.995.000 đồng / 255 học sinh = **51.000 đồng/ học sinh/ năm học (làm tròn số, giảm 5 học sinh dự kiến thất thu)**

B. KINH PHÍ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG

1 Thực hiện chương trình dạy tiếng anh tăng cường:

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	Số học sinh	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
1	70 tiết /2 khóa	21.060/1 tiết/1 trẻ	98	144.471.600

* **Kế hoạch thu:** Thu theo khóa học (35 tiết/khóa x 2 khóa/năm).

- Kế hoạch thu: 21.060 đồng/tiết/trẻ x 35 tiết/khóa x 2 khóa/năm học = 1.474.200đ/trẻ/năm.

- Tổng số trẻ đăng ký học:

98 Trẻ

- Kế hoạch tổng số tiền thu:

144.471.600

- Kế hoạch chi như sau:

TT	Nội dung	Phương án chi	Ghi chú
1	Chi giáo viên trực tiếp dạy TA	75%	108.353.700
2	Chi tiền 5% CSVC	5%	7.223.580
3	Chi cho giáo viên	10%	14.447.160
4	Chi cho quản lý, phục vụ	10%	14.447.160
Tổng chi		100%	144.471.600

2 Thực hiện chương trình phát triển năng khiếu nghệ thuật múa

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	Số học sinh	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
1	70 tiết /2 khóa	18.000/1 tiết/1 trẻ	34	42.840.000

* **Kế hoạch thu:** Thu theo khóa học (35 tiết/khóa x 2 khóa/năm).

- Kế hoạch thu: 18.000 đồng/tiết/trẻ x 35 tiết/khóa x 2 khóa/năm học = 1.260.000đ/trẻ/năm.

- Tổng số trẻ đăng ký học:

34 Trẻ

- Kế hoạch tổng số tiền thu:

42.840.000

- Kế hoạch chi như sau:

TT	Nội dung	Phương án chi	Ghi chú
1	Chi giáo viên trực tiếp dạy	75%	32.130.000
2	Chi tiền 5% CSVC	5%	2.142.000
3	Chi cho giáo viên	10%	4.284.000
4	Chi cho quản lý, phục vụ	10%	4.284.000

Tổng chi	100%	42.840.000
-----------------	-------------	-------------------

3 Thực hiện chương trình phát triển năng khiếu nghệ thuật nhảy Erobic

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	Số học sinh	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
1	70 tiết /2 khóa	17.000/1 tiết/1 trẻ	62	73.780.000

* **Kế hoạch thu:** Thu theo khóa học (35 tiết/khóa x 2 khóa/năm).

- Kế hoạch thu: 17.000 đồng/tiết/trẻ x 35 tiết/khóa x 2 khóa/năm học = 1.190.000đ/trẻ/năm.

- Tổng số trẻ đăng ký học:

62 Trẻ

- Kế hoạch tổng số tiền thu:

73.780.000

- Kế hoạch chi như sau:

TT	Nội dung	Phương án chi	Ghi chú
1	Chi giáo viên trực tiếp dạy	75%	55.335.000
2	Chi tiền 5% CSVC	5%	3.689.000
3	Chi cho giáo viên	10%	7.378.000
4	Chi cho quản lý, phục vụ	10%	7.378.000
Tổng chi		100%	73.780.000

3 Thực hiện chương trình phát triển năng khiếu thể thao võ cổ truyền

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	Số học sinh	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
1	60 tiết /2 khóa	20.000/1 tiết/1 trẻ	21	25.200.000

* **Kế hoạch thu:** Thu theo khóa học (30 tiết/khóa x 2 khóa/năm).

- Kế hoạch thu: 20.000 đồng/tiết/trẻ x 30 tiết/khóa x 2 khóa/năm học = 1.200.000đ/trẻ/năm.

- Tổng số trẻ đăng ký học:

21 Trẻ

- Kế hoạch tổng số tiền thu:

25.200.000

- Kế hoạch chi như sau:

TT	Nội dung	Phương án chi	Ghi chú
1	Chi giáo viên trực tiếp dạy	75%	18.900.000
2	Chi tiền 5% CSVC	5%	1.260.000
3	Chi cho giáo viên	10%	2.520.000
4	Chi cho quản lý, phục vụ	10%	2.520.000
Tổng chi		100%	25.200.000

Ghi chú: Khoản thu này trẻ đăng ký học thực tế đến đâu trường thu đến đó.

Thị Trấn, ngày 06 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN CHI TIẾT



Nguyễn Thị Hoa



Nguyễn Thị Hiền

ĐẠI DIỆN HỘI CMHS

HỘI TRƯỞNG



Võ Minh Dũng